

NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THỰC HÀNH DỰ PHÒNG PHƠI NHIỄM
NGHỀ NGHIỆP VỚI HIV/AIDS CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021

Nguyễn Minh Thu*, Dương Lê Hiền Thục, Nguyễn Thị Bảo Thanh,
Nguyễn Huyền Trang, Trần Nhựt Linh, Trương Thành Nam

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: nminhthu.y42@student.ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe có nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS do thường xuyên phải tiếp xúc với người bệnh và thực hiện các thủ thuật trong quá trình thực tập lâm sàng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu nhằm xác định tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng và các yếu tố liên quan về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang ở 626 sinh viên ngành Y khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Điều dưỡng từ năm ba đến năm kế cuối tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong thời gian từ 11/2021-01/2022. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu chung về kiến thức và thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS lần lượt là 57,2% và 14,1%. Tỷ lệ sinh viên phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS là 8%. Sinh viên ở nhóm kiến thức đạt và không đạt có tỷ lệ thực hành đạt lần lượt là 18,7% và 7,8% (OR=2,708, $p<0,001$). **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức và thực hành đạt còn thấp. Những nghiên cứu tiếp theo cần thiết thực hiện để tìm giải pháp khắc phục.

Từ khóa: Kiến thức, thực hành, dự phòng, phơi nhiễm nghề nghiệp, HIV/AIDS.

ABSTRACT

KNOWLEDGE AND PRACTICE REGARDING OCCUPATIONAL
HIV/AIDS EXPOSURE PROPHYLAXIS AMONG STUDENTS

AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2021

Nguyen Minh Thu*, Duong Le Hien Thuc, Nguyen Thi Bao Thanh,
Nguyen Huyen Trang, Tran Nhut Linh, Truong Thanh Nam

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Medical students represent a population that is at high risk group for occupational HIV/AIDS exposure from frequently care of patients and performing clinical procedures. **Objectives:** This study aims to determine right knowledge and practice regarding occupational HIV/AIDS exposure prevention and its related factors among students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted on 626 students majoring in General Medicine, Traditional Medicine, Preventive Medicine, Odonto-Stomatology, Nursing from the third to the penultimate year at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from November 2021 to January 2022. **Results:** The rates of students who met good knowledge and practice regarding occupational HIV/AIDS exposure prevention was 57.2% and 14.1%, respectively. The proportion of students with occupational HIV/AIDS exposure was 8%. It was more likely good practice in students who achieved good knowledge compared to students who did not achieve good knowledge (18.7% compared to 7.8%, respectively, OR=2.708, $p<0.001$). **Conclusions:** The rates of students who have achieved good knowledge and practice of occupational HIV/AIDS exposure prevention is quite low. Futher studies are necessary to find out appropriate solutions.

Keywords: Knowledge, practice, prevention, occupational exposure, HIV/AIDS.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch HIV/AIDS là vấn đề sức khỏe toàn cầu với khoảng 38 triệu người mắc bệnh vào cuối năm 2019 và hơn 35 triệu người tử vong trong 40 năm qua [12]. Tính đến 31/10/2019, Việt Nam có 211.981 người nhiễm HIV hiện đang còn sống và 103.426 người nhiễm HIV đã tử vong [1]. Những trường hợp mới phát hiện nhiễm HIV tập trung chủ yếu ở độ tuổi 16-29 (40,1%) và 30-39 (33,8%). Trong đó, đường lây chủ yếu là quan hệ tình dục không an toàn (62,7%) và qua đường máu (16,6%), mẹ sang con (1,8%), còn lại không có thông tin về đường lây truyền [1]. Theo thống kê của WHO, ước tính 4,4% ca nhiễm HIV ở nhân viên y tế là do chấn thương nghề nghiệp gây ra [10]. Nhân viên Y tế và sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe là lực lượng thường xuyên phải tiếp xúc với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp, đặc biệt nguy cơ lây nhiễm các bệnh qua đường máu, dịch tiết và các bệnh phẩm của bệnh nhân có khả năng lây truyền nhiều bệnh nguy hiểm, trong đó có HIV/AIDS. Đồng thời, sinh viên cũng thuộc lứa tuổi thanh niên - nhóm chiếm tỷ lệ lớn nhiễm HIV trong cộng đồng [1]. Thực tế tại Việt Nam, 69,46% học sinh, sinh viên có kiến thức không đầy đủ liên quan đến tai nạn nghề nghiệp do kim tiêm truyền đâm [4]. Trong khi đó, 63% sinh viên xử lý sai vết thương sau khi bị tổn thương bởi vật sắc nhọn [5]. Nhằm tìm hiểu về thực trạng kiến thức và thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên, chúng tôi tiến hành đề tài “Nghiên cứu kiến thức, thực hành về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ năm 2021” với mục tiêu:

+ Xác định tỉ lệ kiến thức, thực hành đúng về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021.

+ Mô tả các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn chọn mẫu:

+ Sinh viên đã đi thực hành tại bệnh viện bao gồm sinh viên chính qui ngành Y đa khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Răng hàm mặt, Điều dưỡng.

+ Sinh viên từ năm 3 đến năm kế cuối.

+ Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không có mặt tại trường trong thời gian nghiên cứu (nghỉ, bảo lưu) hoặc từ chối tham gia.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ:

$$n = \frac{z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \cdot p \cdot (1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: Là cỡ mẫu cần chọn;

$Z_{1-\alpha/2}=1,96$ ($\alpha=0,05$ độ tin cậy là 95%);

$p=0,62$ [3]; $d=0,04$ (sai số chấp nhận).

Để dự phòng hao hụt, số mẫu tăng 10% => Cỡ mẫu $n=626$.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống như sau: Liệt kê danh sách sinh viên theo thứ tự các lớp: Y đa khoa, Y học dự phòng, Răng hàm mặt, Y học cổ truyền năm 5, năm 4, năm 3. Chọn 10 sinh viên đầu tiên trong danh sách mỗi lớp, sau đó bốc thăm ngẫu nhiên 1 đối tượng. Đối tượng tiếp theo được chọn theo khoảng cách mẫu $K=6$.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm chung: Giới tính, ngành học, khóa học, nguồn thông tin về HIV/AIDS.

+ Xác định tỉ lệ kiến thức đúng ($\geq 80\%$ tổng số điểm tương đương 36-45 điểm), thực hành đúng ($\geq 80\%$ tổng số điểm tương đương 20-25 điểm) về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021.

+ Mô tả các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021.

- **Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:** Khảo sát trực tuyến qua Google Form và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của sinh viên tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của sinh viên tham gia nghiên cứu

Đặc điểm (n=626)		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	277	44,3
	Nữ	349	55,7
Khóa học	Năm thứ ba	248	39,6
	Năm thứ tư	239	38,2
	Năm thứ năm	139	22,2
Ngành học	Y đa khoa	495	79,1
	Y học dự phòng	40	6,4
	Y học cổ truyền	35	5,6
	Răng hàm mặt	32	5,1
	Điều dưỡng	24	3,8
Nguồn thông tin	Nhà trường	536	85,6
	Sách báo	534	85,3
	Internet	600	95,8
	Bạn bè	252	40,3
	Khác	4	0,64

Nhận xét: Trong số các đối tượng được nghiên cứu, tỷ lệ nữ nhiều hơn nam (55,75% so với 44,25%). Các đối tượng được chọn có số lượng nhiều nhất là sinh viên năm ba chiếm 39,6% và Y đa khoa với tỷ lệ 79,1%. Nguồn kiến thức về HIV/AIDS mà sinh viên tiếp cận nhiều nhất là qua internet chiếm 95,8%.

3.2. Kiến thức, thực hành về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS

Bảng 2. Kiến thức dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên

Kiến thức (n=626)	Đạt		Không đạt	
	n	%	n	%
Nhân viên y tế có nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp	619	98,9	1	1,1
Dịch sinh học có nguy cơ phơi nhiễm:				
Máu	626	100	0	0
Tinh dịch	484	77,3	142	22,7
Dịch âm đạo	480	76,7	146	23,3
Nguy cơ phơi nhiễm nghề nghiệp phụ thuộc vào:				
Số lượng tế bào lympho T-CD4	412	65,8	214	34,2
Tải lượng virus	529	84,5	97	15,5
Đường vào của tác nhân	459	73,3	167	26,7
Tình trạng miễn dịch	419	66,9	207	33,1
Điều trị dự phòng phơi nhiễm:				
Có thuốc điều trị phơi nhiễm nghề nghiệp	504	80,5	122	19,5
Bằng thuốc kháng virus HIV	470	93,3	34	6,7
Thời gian điều trị là 4 tuần	106	22,6	364	77,4
Kiến thức chung	358	57,2	268	42,8

Nhận xét: 57,2% sinh viên có kiến thức đạt về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS.

Bảng 3. Thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên

Thực hành (n=626)	Đạt		Không đạt	
	n	%	n	%
Khi thực tập lâm sàng đã từng bị kim hay vật sắc nhọn đâm	156	24,9	470	75,1
Khi thực tập đã từng bị phơi nhiễm trực tiếp với máu và dịch tiết có nguy cơ nhiễm HIV	50	8	576	92
Xử trí sau khi bị kim đâm qua da:				
Xử trí xối vết thương ngay dưới vòi nước	88	56,4	68	43,6
Xử trí rửa bằng xà phòng và nước sạch	26	16,7	130	83,3
Thực hành chung	88	14,1	538	85,9

Nhận xét: 24,9% sinh viên từng bị vật sắc nhọn đâm phải và 8% trường hợp báo cáo phơi nhiễm trực tiếp với máu và dịch tiết có nguy cơ nhiễm HIV. Tỷ lệ sinh viên có thực hành đạt là 14,1%.

3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS của sinh viên

Bảng 4. Các yếu tố liên quan đến kiến thức dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS của sinh viên

Các yếu tố liên quan (n=626)		Kiến thức		OR (KTC 95%)	P
		Không đạt	Đạt		
		n (%)	n (%)		
Giới tính	Nam	124 (44,8)	153 (55,2)	1,154 (0,83-1,58)	0,379
	Nữ	144 (41,3)	205 (58,7)		
Khóa học	Năm 3	109 (44)	139 (56)	1,751 (1,13-2,71)	0,012
	Năm 4	116 (48,5)	123 (51,5)	2,106 (1,35-3,27)	0,001
	Năm 5	43 (30,9)	96 (69,1)	1	-
Ngành học	Y đa khoa	224 (45,3)	271 (54,7)	2,48 (0,96-6,35)	0,051
	Y học dự phòng	16 (40)	24 (60)	2 (0,65-6,12)	0,221
	Y học cổ truyền	8 (22,9)	27 (77,1)	0,889 (0,26-2,99)	0,849
	Răng hàm mặt	14 (43,8)	18 (56,3)	2,33(0,73-7,43)	0,147
	Điều dưỡng	6 (25)	18 (75)	1	-

Nhận xét: Sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 có nguy cơ kiến thức không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên năm thứ 5 (lần lượt OR=1,751, p=0,012 và OR=2,106, p=0,001).

Bảng 5. Các yếu tố liên quan đến thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS

Các yếu tố liên quan (n=626)		Thực hành		OR (KTC 95%)	P
		Không đạt	Đạt		
		n (%)	n (%)		
Giới tính	Nam	238 (85,9)	39 (14,1)	0,997 (0,63-1,56)	0,989
	Nữ	300 (86,0)	49 (14,0)		
Khóa học	Năm 3	216 (87,1)	32 (12,9)	1,78 (1,02-3,09)	0,039
	Năm 4	212 (88,7)	27 (11,3)	2,07 (1,16-3,67)	0,012
	Năm 5	110 (79,1)	29 (20,9)	1	-
Ngành học	Y đa khoa	431 (87,1)	64 (12,9)	1,347 (0,44-4,06)	0,596
	Y học dự phòng	38 (95,0)	2 (5,0)	3,8 (0,64-22,57)	0,121
	Y học cổ truyền	28 (80,0)	7 (20,0)	0,8 (0,2-3,1)	0,747
	Răng hàm mặt	21 (65,6)	11 (34,4)	0,382 (0,10-1,39)	0,139
	Điều dưỡng	20 (83,3)	4 (16,7)	1	-
Kiến thức	Không đạt	247 (92,2)	21 (7,8)	2,708 (1,61-4,55)	<0,001
	Đạt	291 (81,3)	67 (18,7)		

Nhận xét: Sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 có nguy cơ thực hành không đạt cao hơn so với nhóm sinh viên năm thứ 5 (lần lượt OR=1,78, p=0,039 và OR=2,07, p=0,012); Sinh viên có kiến thức không đạt có nguy cơ thực hành không đạt cao hơn với OR=2,708, p<0,001.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu thực hiện trên 626 sinh viên của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy đối tượng sinh viên nam nhiều hơn nữ, chiếm phần đông số lượng là sinh viên Y đa khoa chính quy, tiếp đến là sinh viên Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Răng hàm mặt và

Điều dưỡng. Điều này cũng phù hợp với số lượng đào tạo sinh viên ở mỗi ngành của trường [2]. Số lượng sinh viên năm thứ ba được khảo sát chiếm tỉ lệ nhiều nhất tiếp đến là năm thứ tư và năm thứ năm nhưng không có sự chênh lệch lớn giữa các khóa.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 57,2% sinh viên có kiến thức đạt về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Phạm Thị Thùy Dung năm 2017 tại Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Thành Tây với kết quả sinh viên có kiến thức đạt về HIV/AIDS, chiếm tỷ lệ 63% [6]. Điểm tương đồng so với các nghiên cứu trên thế giới đều ghi nhận kiến thức của sinh viên về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp còn rất thấp [9], [11]. Cụ thể, một cuộc khảo sát trên sinh viên Đại học Gondar tại Braxin (năm 2019) cho thấy chỉ có 28,6% sinh viên được khảo sát có kiến thức tốt về dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS [11]. Mặt khác, Anteneh và cộng sự nghiên cứu trên sinh viên Y khoa tại Bệnh viện Ethiopia (năm 2018) báo cáo 70% đối tượng có kiến thức chưa đầy đủ về dự phòng sau phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS [9].

Trong nghiên cứu của chúng tôi, 85,9% sinh viên thực hành chung không đạt về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của tác giả Trương Thành Nam (năm 2008) với tỷ lệ không đạt 70,2% [7]. Tương tự, nghiên cứu của Trường Đại học Y Dược Hà Nội (năm 2005) cho thấy: tỷ lệ thực hành đúng về xử trí dự phòng phơi nhiễm HIV/AIDS thấp (10-40%), đặc biệt thấp trong điều trị dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV (2-4%) [8]. Mặt khác, chúng tôi ghi nhận 24,9% sinh viên từng bị vật sắc nhọn đâm phải và 8% trường hợp báo cáo phơi nhiễm trực tiếp với máu và dịch tiết có nguy cơ nhiễm HIV. Nghiên cứu của Theresa và cộng sự năm 2017 ghi nhận 13% sinh viên y khoa báo cáo phơi nhiễm với HIV trong quá trình thực hành lâm sàng, đặc biệt nhóm sinh viên năm 5 và năm 6 là 21,2% [13]. Những sự cố này có thể xuất hiện khi sinh viên đang thực hiện các thủ thuật với trạng thái mệt mỏi và áp lực căng thẳng [13].

Về các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS, kết quả cho thấy: Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$) giữa kiến thức và thực hành theo giới tính. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt nhiều hơn ở nhóm sinh viên năm thứ 5 và giảm dần ở các khóa còn lại. Sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 có nguy cơ kiến thức không đạt so với nhóm sinh viên năm thứ 5 với OR lần lượt là 1,751 và 2,106. Ngoài ra, nghiên cứu của Matheus và cộng sự năm 2017 chỉ ra rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa khóa học ($p=0,03$) và tuổi ($p=0,01$) với mức độ kiến thức cao hơn [11]. Tương tự, tỷ lệ thực hành đạt ở các khóa cũ cao hơn các khóa mới đi lâm sàng. So với nhóm sinh viên năm thứ 5, nguy cơ thực hành không đạt cao hơn ở sinh viên năm thứ ba là 1,78 ($p<0,05$) và nhóm sinh viên năm thứ tư là 2,07 ($p<0,05$). Như vậy, sinh viên thực tập nhiều hơn, thời gian dài hơn cũng có kinh nghiệm tốt hơn trong vấn đề thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS. Trong mối liên quan giữa ngành học với kiến thức và thực hành, nhóm sinh viên có tỷ lệ kiến thức đạt cao nhất là ngành Y học cổ truyền (77,1%) và tỷ lệ thực hành đạt cao nhất là ngành Răng hàm mặt (34,4%). Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các ngành học không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Điều này có thể xuất phát từ thực tế tất cả đối tượng sinh viên tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đều được giảng dạy các học phần liên quan đến HIV/AIDS với thời lượng và nội dung tương đồng trong chương trình đào tạo [2]. Tuy nhiên, một nghiên cứu của Matheus và cộng sự tại Braxin năm 2019 cho

thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt ở nhóm Y đa khoa cao gấp 2,9 lần so với ngành Điều dưỡng ($p=0,074$) [11].

Nguy cơ thực hành không đạt ở nhóm sinh viên có kiến thức không đạt cao gấp 2,708 lần so với nhóm sinh viên có kiến thức đạt ($p<0,001$). Như vậy, kiến thức có ảnh hưởng đến thực hành của sinh viên, kiến thức càng tốt thì thực hành của sinh viên càng tốt.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức và thực hành đạt về dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS còn thấp. Khóa học của sinh viên có liên quan ý nghĩa thống kê với kiến thức và thực hành phơi nhiễm nghề nghiệp với HIV/AIDS. Những tập huấn trang bị về kiến thức cho nhóm sinh viên có kiến thức và thực hành chưa đạt cần chú trọng kịp thời theo khóa học, đặc biệt là ở nhóm sinh viên năm ba và sinh viên năm tư giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hành trong quá trình thực tập lâm sàng của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y Tế (2020), Báo cáo kết quả công tác phòng, chống HIV/AIDS năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2020.
2. Bộ Y Tế (2020), Chương trình và kế hoạch đào tạo đại học năm học 2020-2021, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
3. Nguyễn Thị Hà (2019), “Nghiên cứu kiến thức, thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong tiêm truyền của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2018”, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Y Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hoàng Thu (2015), “Kiến thức và thực hành phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp do kim tiêm truyền của học sinh/sinh viên trường cao đẳng y tế Hà Nội”, Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Mai Thơ (2015), “Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chấn thương do vật sắc nhọn trong thực tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y khoa Vinh”, Trường Đại học Y tế công cộng.
3. Phạm Thị Thùy Dung (2017), “Kiến thức và thái độ trong phòng chống và chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội và Thành Tây”, Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng, trường Đại học Y Hà Nội.
4. Trương Thành Nam (2008), “Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp HIV/AIDS của sinh viên đi lâm sàng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ”, Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Đa khoa, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
5. Văn phòng CDC tại Việt Nam (2005), “Đánh giá nhu cầu đào tạo dự phòng phơi nhiễm nghề nghiệp đối với HIV ở các trường Y Việt Nam”, Trường Đại Học Y Hà Nội.
6. Betelhem Anteneh (2018), “Knowledge, attitude and practices of medical and health science students on the antiretroviral based HIV post-exposure prophylaxis in an Ethiopian hospital: an institutional based cross-sectional study”, *BMC Health Services Research*.
7. Dr Annette Prüss-Ustün (2005), “Estimation of the global burden of disease attributable to contaminated sharps injuries among health-care workers”, *The American Journal of Industrial Medicine*.
8. Matheus Costa Brandão Matos (2019), “Knowledge of health students about prophylaxis pre and post exposure to HIV”, *Scientific Electronic Library Online*.
9. Ndubuisi Akpuh (2020), “Occupational exposure to HIV among healthcaworkers in PMTCT sites in Port Harcourt, Nigeria”, *BMC public health*, 451, pp.3-7.

10. Theresa Marié Rossouw (2017), “Exposure incidents among medical students in a high-prevalence HIV setting”, *The Journal of Infection in Developing Countries*.

(Ngày nhận bài: 19/4/2022 – Ngày duyệt đăng: 22/6/2022)
